CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 407
Ngày: 06.2.17
Chuyển: Hai ký gửi

NGHỊ ĐỊNH
Về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc kinh doanh, quản lý hoạt động kinh doanh và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó và thí điểm đặt cược bóng đá quốc tế trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó và đặt cược bóng đá quốc tế;

b) Các đối tượng được phép tham gia đặt cược;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng liên quan đến việc cấp phép, quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh đặt cược;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh đặt cược.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. "Đặt cược" là trò chơi giải trí có thưởng mà người tham gia đặt cược thực hiện dự đoán về kết quả có thể xảy ra trong các sự kiện thể thao, giải trí được sử dụng để kinh doanh đặt cược. Người tham gia dự đoán đúng sẽ được trả thưởng bằng tiền hoặc bằng hiện vật, dịch vụ có thể quy ra thành tiền dựa trên kết quả của sự kiện đó khi kết thúc theo Thể lệ đặt cược.

2. "Kinh doanh đặt cược" là việc tổ chức, cung cấp sản phẩm đặt cược cho người chơi theo nguyên tắc người chơi bỏ tiền ra mua vé đặt cược và được doanh nghiệp kinh doanh đặt cược trả thưởng khi trúng thưởng theo quy định tại Nghị định này.

3. "Sự kiện đặt cược" là các cuộc đua ngựa, đua chó, trận đấu và giải thi đấu bóng đá quốc tế được doanh nghiệp kinh doanh đặt cược sử dụng để người chơi tham gia đặt cược theo quy định tại Nghị định này.

4. "Bóng đá quốc tế" là các trận đấu, giải thi đấu bóng đá được tổ chức bên ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc được các tổ chức quốc tế đứng ra tổ chức trong lãnh thổ Việt Nam.

5. "Ban tổ chức sự kiện" là đơn vị hoặc bộ phận có trách nhiệm đứng ra tổ chức các "sự kiện đặt cược" phục vụ cho hoạt động kinh doanh đặt cược.

6. "Tỷ lệ trả thưởng" là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số tiền trả thưởng cho người chơi với tổng số tiền đặt cược mà doanh nghiệp kinh doanh đặt cược thu được từ người chơi.

7. "Tỷ lệ cược" là tỷ lệ giữa số tiền mà người chơi đặt cược với số tiền mà người chơi sẽ được lĩnh thưởng khi thắng cược.

8. "Trả thưởng cố định" là phương pháp tính giá trị các giải thưởng để trả cho người chơi trên cơ sở tỷ lệ cược do doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đưa ra theo từng thời điểm.

9. "Trả thưởng biến đổi theo doanh thu" là phương pháp tính giá trị các giải thưởng theo tỷ lệ trả thưởng đã quy định để trả cho người chơi dựa trên doanh thu bán vé đặt cược và số người tham gia đặt cược cùng trúng thưởng. Kết thúc sự kiện đặt cược, các giải thưởng không có người trúng thưởng sẽ được chuyển thành doanh thu của sự kiện đặt cược kế tiếp.

10. "Nài ngựa" là người điều khiển ngựa đua đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

11. "Cuộc đua" là cuộc thi đấu giữa các ngựa đua hoặc chó đua được sử dụng kết quả phục vụ cho hoạt động kinh doanh đặt cược.

12. "Tài khoản tham gia đặt cược" là tài khoản của người chơi để tham gia đặt cược theo quy định tại Điều 17 của Nghị định này.

13. "Người chơi" là các đối tượng được phép tham gia đặt cược theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này.

14. "Thiết bị đầu cuối đặt cược" (sau đây gọi là thiết bị đầu cuối) là thiết bị điện tử để ghi nhận các dữ liệu tham gia đặt cược, in vé đặt cược cho người chơi và kiểm tra vé đặt cược trúng thưởng do doanh nghiệp kinh doanh đặt cược trực tiếp vận hành hoặc giao cho các đại lý bán vé đặt cược vận hành.

15. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là văn bản, bản điện tử ghi nhận thông tin đăng ký của nhà đầu tư về dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 3. Nguyên tắc kinh doanh đặt cược

1. Kinh doanh đặt cược là hoạt động kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích phát triển, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chỉ những doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược theo quy định tại Nghị định này và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định này mới được kinh doanh đặt cược.

3. Việc tổ chức kinh doanh đặt cược phải đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia.

4. Đồng tiền được sử dụng để mua vé đặt cược, trả thưởng trong kinh doanh đặt cược là Việt Nam đồng.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong kinh doanh đặt cược

1. Kinh doanh đặt cược khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, trừ các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định này.

2. Kinh doanh đặt cược không đúng với nội dung được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức kinh doanh và tham gia đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế ngoài quy định tại Nghị định này dưới mọi hình thức và mọi loại phương tiện.

4. Cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

5. Kinh doanh đặt cược trong thời gian bị thu hồi hoặc tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

6. Kinh doanh đặt cược khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, trừ các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định này.

7. Kinh doanh đặt cược trong thời gian bị thu hồi hoặc tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

8. Tham gia đặt cược khi không thuộc đối tượng được phép tham gia đặt cược quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này.

9. Cho người không thuộc đối tượng được phép tham gia đặt cược quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này mượn, sử dụng thông tin của mình để đăng ký mở tài khoản tham gia đặt cược theo quy định tại Điều 17 của Nghị định này.

10. Tham gia dàn xếp hoặc thoả thuận làm sai lệch kết quả sự kiện đặt cược.

11. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược cho người chơi vay tiền để tham gia đặt cược.

12. Để các cá nhân thuộc đối tượng không được phép tham gia đặt cược theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này tham gia đặt cược với bất kỳ hình thức, lý do nào.

13. Lợi dụng hoạt động kinh doanh đặt cược để tổ chức hoạt động đặt cược trái với quy định tại Nghị định này.

14. Cung cấp thông tin về tỷ lệ cược do doanh nghiệp kinh doanh đặt cược xây dựng mà không được doanh nghiệp đồng ý hoặc uỷ quyền.

15. Lợi dụng hoạt động kinh doanh đặt cược để thực hiện các hình thức rửa tiền.

16. Lợi dụng hình thức khuyến mại mang tính may rủi, giải trí để kinh doanh đặt cược trái phép với mục tiêu kiếm lợi nhuận thông qua việc thu tiền của khách hàng.

17. Gây mất trật tự công cộng tại trường đua, địa điểm bán vé đặt cược.

18. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
TỔ CHỨC KINH DOANH ĐẶT CƯỢC

Điều 5. Loại hình đặt cược

Các loại hình đặt cược được phép kinh doanh bao gồm:

1. Đặt cược đua ngựa.

2. Đặt cược đua chó.

3. Đặt cược bóng đá quốc tế.

Điều 6. Sản phẩm đặt cược

1. Đối với đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó: Sản phẩm đặt cược dựa trên thứ hạng của ngựa đua, chó đua khi về đích trong cuộc đua ngựa, đua chó do doanh nghiệp kinh doanh đặt cược tổ chức theo quy định tại Chương III của Nghị định này.

2. Đối với đặt cược bóng đá quốc tế: Sản phẩm đặt cược dựa trên tỷ số của trận đấu, hiệp đấu, các sự kiện xảy ra trong trận đấu và thứ hạng trong giải thi đấu. Trận đấu, giải thi đấu được lựa chọn làm căn cứ kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế phải là các trận đấu, giải thi đấu bóng đá quốc tế được Liên đoàn bóng đá quốc tế (FIFA) công bố, phê chuẩn. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố danh mục các trận đấu, giải thi đấu bóng đá quốc tế được lựa chọn làm căn cứ kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế.

Điều 7. Người chơi

1. Người chơi phải đủ 21 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Các đối tượng không được phép tham gia đặt cược

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cán bộ quản lý, điều hành, nhân viên và bố, mẹ, vợ, chồng, con ruột của cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp kinh doanh đặt cược tham gia đặt cược của chính doanh nghiệp mình tổ chức;

c) Các thành viên Hội đồng giám sát cuộc đua và bố, mẹ, vợ, chồng, con ruột của các thành viên Hội đồng giám sát cuộc đua tham gia đặt cược các cuộc đua ngựa, đua chó mà mình thực hiện nhiệm vụ giám sát;

d) Các nài ngựa, cầu thủ, Trọng tài và bố, mẹ, vợ, chồng, con ruột của nài ngựa, cầu thủ, Trọng tài tham gia đặt cược vào các cuộc đua, trận đấu và giải thi đấu mà mình tham dự, điều khiển;

đ) Các đối tượng thuộc diện bị người thân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự trong gia đình là bố, mẹ, vợ, chồng, con ruột hoặc bản thân có đơn đề nghị doanh nghiệp kinh doanh đặt cược không cho tham gia đặt cược;

e) Các đối tượng đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành xong hình phạt mà chưa được xóa án tích; người đang trong thời gian bị lập hồ sơ, chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Người chơi có các quyền sau:

a) Được doanh nghiệp xác nhận và trả thưởng đầy đủ khi trúng thưởng theo quy định tại Thể lệ đặt cược được công bố;

b) Người chơi là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi trúng thưởng được phép mua ngoại tệ tại ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối để chuyển, mang ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

c) Được pháp luật bảo vệ các quyền lợi hợp pháp phát sinh từ việc tham gia đặt cược và bảo đảm bí mật đối với các thông tin trúng thưởng của cá nhân;

d) Được quyền khiếu nại, tố cáo đối với doanh nghiệp về kết quả trả thưởng, các hành vi gian lận của doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan;

đ) Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và Thể lệ đặt cược được công bố.

4. Người chơi có các nghĩa vụ sau:

a) Xuất trình giấy tờ cá nhân để chứng minh thuộc đối tượng được phép tham gia đặt cược khi doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược và Thể lệ đặt cược được công bố;

c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Không được thực hiện bất kỳ hành vi gian lận nào trong quá trình tham gia đặt cược;

đ) Giữ gìn vé đặt cược để lĩnh thưởng khi trúng thưởng.

Điều 8. Giới hạn mức tham gia đặt cược

1. Mức đặt cược tối thiểu cho một lần đặt cược là 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

2. Mức đặt cược tối đa mỗi người chơi trong một ngày cho từng sản phẩm đặt cược tại một doanh nghiệp kinh doanh đặt cược là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Công an trình Chính phủ quyết định điều chỉnh mức đặt cược tối thiểu và mức đặt cược tối đa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong từng thời kỳ.

Điều 9. Thể lệ đặt cược

1. Doanh nghiệp phải ban hành Thể lệ đặt cược cho từng sản phẩm đặt cược. Thể lệ đặt cược phải tuân thủ quy định của pháp luật và bao gồm các nội dung sau:

a) Tên sản phẩm đặt cược;

b) Mô tả sản phẩm đặt cược;

c) Đối tượng tham gia đặt cược;

d) Cách thức tham gia đặt cược;

đ) Thời điểm bắt đầu nhận đặt cược và thời điểm kết thúc nhận đặt cược;

e) Cách xác định kết quả đặt cược để trả thưởng;

g) Phương thức trả thưởng;

h) Tỷ lệ trả thưởng;

i) Các trường hợp hoàn trả tiền mua vé đặt cược;

k) Điều kiện của vé đặt cược để lĩnh thưởng khi trúng thưởng;

l) Phương thức xử lý các vấn đề tranh chấp;

m) Quyền và nghĩa vụ của người chơi;

n) Các quy định khác theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trước khi đưa vào kinh doanh tối thiểu 05 ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh đặt cược có trách nhiệm:

a) Gửi Thể lệ đặt cược cho Bộ Tài chính, Sở Tài chính và cơ quan thuế trực tiếp quản lý tại địa phương để theo dõi, quản lý;

b) Công bố công khai Thể lệ đặt cược tại trường đua (áp dụng đối với đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó), trụ sở chính của doanh nghiệp, điểm bán vé đặt cược cố định.

3. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước phát hiện Thể lệ đặt cược có những nội dung không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có công văn yêu cầu, hướng dẫn về sửa đổi Thể lệ đặt cược, doanh nghiệp phải thực hiện sửa đổi, bổ sung Thể lệ đặt cược cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Khi thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thể lệ đặt cược, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi nội dung của Thể lệ đặt cược, doanh nghiệp phải gửi lại bằng văn bản Thể lệ đặt cược đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho Bộ Tài chính, Sở Tài chính, cơ quan thuế trực tiếp quản lý tại địa phương và văn bản nêu rõ điều khoản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và lý do sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Đồng thời doanh nghiệp phải công bố công khai Thể lệ đặt cược đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 10. Phương thức trả thưởng

1. Phương thức trả thưởng đặt cược bao gồm:

a) Phương thức trả thưởng cố định;

b) Phương thức trả thưởng biến đổi theo doanh thu;

c) Kết hợp cả hai phương thức trả thưởng quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Căn cứ các phương thức trả thưởng quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp lựa chọn phương thức trả thưởng phù hợp cho từng loại hình sản phẩm đặt cược.

Điều 11. Tỷ lệ trả thưởng

1. Đối với phương thức trả thưởng cố định: Tỷ lệ trả thưởng phụ thuộc vào tỷ lệ cược và duy trì tỷ lệ trả thưởng kế hoạch ở mức tối thiểu là 65% trên doanh thu bán vé đối với từng loại hình sản phẩm đặt cược.

2. Đối với phương thức trả thưởng biến đổi theo doanh thu: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch do doanh nghiệp xây dựng ở mức tối thiểu là 65% trên doanh thu bán vé đối với từng loại hình sản phẩm đặt cược.

Điều 12. Phương thức phân phối vé đặt cược

1. Vé đặt cược được phân phối theo các phương thức sau:

a) Thông qua thiết bị đầu cuối;

b) Thông qua điện thoại (điện thoại cố định và điện thoại di động), không bao gồm phương thức phân phối vé đặt cược qua mạng Internet hoặc các ứng dụng công nghệ Internet trên điện thoại. Phương thức phân phối này chỉ được thực hiện sau 01 năm thực hiện phương thức phân phối vé đặt cược thông qua thiết bị đầu cuối.

2. Điều kiện về kỹ thuật hệ thống đặt cược

a) Điều kiện phần cứng (máy chủ, thiết bị đầu cuối):

- Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam (trường hợp nhập khẩu từ nước ngoài);

- Máy móc, thiết bị phải đạt tiêu chuẩn G7 và có kèm theo đầy đủ tài liệu hướng dẫn mô tả đặc tính kỹ thuật, cách thức cài đặt, sơ đồ chi tiết các bộ phận máy, cách thức thay thế, sửa chữa các bộ phận, danh sách thiết bị thay thế đi kèm, cách vận hành và phương pháp bảo hành, bảo trì;

- Được lắp đặt theo đúng các thông số kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất; đảm bảo vận hành an toàn, ổn định;

- Có khả năng tích hợp tối thiểu 02 kênh truyền dữ liệu về hệ thống máy chủ để đảm bảo ít nhất có một kênh dữ liệu dự phòng khi kênh truyền dữ liệu chính bị sự cố xảy ra;

- Có máy chủ dự phòng vận hành song song với máy chủ chính để sao lưu các dữ liệu tham gia đặt cược của người chơi.

b) Điều kiện đối với phần mềm:

- Có bản quyền theo quy định của pháp luật;

- Được thiết kế phù hợp với các quy định của pháp luật và Thể lệ đặt cược đối với từng sản phẩm đặt cược;

- Bảo đảm ghi nhận kịp thời, chính xác các dữ liệu tham gia đặt cược của người chơi, tính toán, xác định chính xác doanh thu, giá trị giải thưởng, kiểm tra các thông số của vé đặt cược trúng thưởng;

- Có tính bảo mật cao, không cho phép sự xâm nhập hoặc can thiệp từ bên ngoài làm sai lệch các dữ liệu tham gia đặt cược và các dữ liệu khác phục vụ cho việc tổ chức kinh doanh đặt cược.

c) Điều kiện về đường truyền dữ liệu (bao gồm cả hệ thống thiết bị đầu cuối và hệ thống điện thoại):

- Có tính ổn định cao, có lưu lượng và tốc độ truyền đáp ứng yêu cầu trao đổi và xử lý kịp thời thông tin giữa máy chủ, các thiết bị đầu cuối, hệ thống điện thoại và thiết bị có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh đặt cược;

- Bảo đảm an ninh, an toàn, bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ điện thoại theo quy định của pháp luật;

- Đảm bảo ghi lại được tất cả các thông tin (dưới hình thức tập tin hoặc ghi âm) tham gia đặt cược của người chơi chính xác, đầy đủ để làm cơ sở cho hoạt động quản lý, giám sát, trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh đặt cược.

Điều 13. Địa bàn kinh doanh đặt cược

Địa bàn kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó và đặt cược bóng đá quốc tế được căn cứ vào phương thức phân phối vé đặt cược quy định tại Điều 12 Nghị định này và được quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, cụ thể:

1. Địa bàn kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó bao gồm:

a) Trong trường đua của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này bằng phương thức phân phối vé đặt cược thông qua thiết bị đầu cuối;

b) Ngoài trường đua trên phạm vi cả nước bằng phương thức phân phối vé đặt cược thông qua thiết bị đầu cuối và điện thoại. Việc kinh doanh đặt cược ngoài trường đua trên phạm vi cả nước chỉ được thực hiện sau 01 năm tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó trong trường đua.

2. Địa bàn kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế bao gồm:

a) Tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bằng phương thức phân phối vé đặt cược thông qua thiết bị đầu cuối. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ quyết định lựa chọn một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế;

b) Trên phạm vi cả nước bằng phương thức phân phối vé đặt cược thông qua điện thoại.

Điều 14. Điểm bán vé đặt cược cố định

Doanh nghiệp được trực tiếp thiết lập các điểm bán vé đặt cược cố định hoặc lựa chọn đại lý bán vé đặt cược thiết lập các điểm bán vé đặt cược cố định để phân phối vé đặt cược. Việc thiết lập các điểm bán vé đặt cược cố định phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Nằm trong địa bàn kinh doanh đặt cược quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

2. Đảm bảo trong phạm vi bán kính tối thiểu 500 m không có các trường học, khu vui chơi công cộng dành riêng cho trẻ em.

3. Cơ sở hạ tầng đảm bảo đáp ứng được truyền tải đầy đủ, kịp thời các thông tin về đặt cược.

Điều 15. Tần suất tổ chức đặt cược và thời điểm nhận đặt cược

1. Việc tổ chức đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó do doanh nghiệp quyết định nhưng phải đảm bảo tần suất tối đa không quá 03 ngày mỗi tuần. Thời điểm kết thúc các cuộc đua ngựa, đua chó để kinh doanh đặt cược phải trước 23 giờ của ngày tổ chức đặt cược đua ngựa, đua chó.

2. Thời điểm bắt đầu và kết thúc nhận đặt cược phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối với đặt cược đua ngựa, đua chó: Thời điểm bắt đầu nhận đặt cược từ người chơi của từng cuộc đua không được vượt quá 12 giờ trước khi cuộc đua bắt đầu và thời điểm kết thúc nhận đặt cược của từng cuộc đua tối thiểu là 01 phút trước khi cuộc đua đó bắt đầu;

b) Đối với đặt cược bóng đá quốc tế: Thời điểm bắt đầu nhận đặt cược kể từ khi Ban tổ chức sự kiện công bố lịch, địa điểm thi đấu và thời điểm kết thúc nhận đặt cược tối thiểu là 05 phút trước khi sự kiện đặt cược đó kết thúc.

Điều 16. Vé đặt cược

1. Vé đặt cược có thể được phát hành dưới dạng chứng chỉ hoặc dữ liệu điện tử, phụ thuộc vào các phương thức phân phối vé đặt cược theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

2. Vé đặt cược dưới dạng chứng chỉ phải có các nội dung sau:

a) Tên doanh nghiệp phát hành vé đặt cược;

b) Tên sự kiện đặt cược hoặc mã số sự kiện đặt cược;

c) Ngày, giờ sự kiện đặt cược diễn ra;

d) Lựa chọn của người chơi;

đ) Giá trị tham gia đặt cược;

e) Ngày, giờ phát hành vé đặt cược;

g) Thời hạn lưu hành vé đặt cược (nếu có);

h) Tỷ lệ cược (nếu có);

i) Ký hiệu của đại lý bán vé đặt cược hoặc thiết bị đầu cuối;

k) Số ký hiệu, bảng mã nhận dạng vé đặt cược để chống làm giả;

l) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Vé đặt cược dưới dạng dữ liệu điện tử phải có các nội dung sau:

a) Các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và l khoản 2 Điều này;

b) Số tài khoản tham gia đặt cược của người chơi.

Điều 17. Tài khoản tham gia đặt cược của người chơi

1. Người chơi tham gia đặt cược thông qua điện thoại (điện thoại cố định và điện thoại di động) phải có tài khoản tham gia đặt cược được đăng ký tại doanh nghiệp kinh doanh đặt cược để tham gia đặt cược.

2. Khi đăng ký tài khoản tham gia đặt cược, người chơi có trách nhiệm khai báo và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin khai báo. Thông tin khai báo của người chơi phải bao gồm các nội dung sau:

a) Họ và tên người chơi;

b) Ngày, tháng, năm sinh;

c) Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (đối với người nước ngoài), ngày cấp, nơi cấp;

d) Nơi đăng ký tham gia đặt cược;

đ) Số tài khoản mở tại các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

e) Tên, địa chỉ, điện thoại, thư điện tử (Email) của người liên quan khi cần liên hệ;

g) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Sau khi người chơi đăng ký mở tài khoản tham gia đặt cược, doanh nghiệp cấp mã số tài khoản, mật khẩu ban đầu để người chơi truy cập khi tham gia đặt cược. Người chơi chịu trách nhiệm về việc quản lý, bảo vệ tài khoản, mật khẩu của mình trong quá trình sử dụng.

4. Hoạt động thanh toán, trả thưởng giữa người chơi và doanh nghiệp kinh doanh đặt cược phải thực hiện thông qua tài khoản của người chơi và doanh nghiệp kinh doanh đặt cược mở tại các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 18. Đại lý bán vé đặt cược

1. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó được phép lựa chọn tổ chức, cá nhân làm đại lý bán vé đặt cược. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế được phép lựa chọn tổ chức làm đại lý bán vé đặt cược.

2. Điều kiện làm đại lý bán vé đặt cược đối với cá nhân:

a) Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, thường trú tại Việt Nam và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Đáp ứng được yêu cầu về bảo đảm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với doanh nghiệp kinh doanh đặt cược;

c) Có điểm bán vé đặt cược cố định theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này.

3. Điều kiện làm đại lý bán vé đặt cược đối với tổ chức:

a) Là tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

b) Đáp ứng được yêu cầu về bảo đảm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với doanh nghiệp kinh doanh đặt cược;

c) Có điểm bán vé đặt cược cố định theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này.

4. Đại lý bán vé đặt cược có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nguyên tắc xác định kết quả đặt cược để trả thưởng

1. Doanh nghiệp phải công bố kết quả của từng sự kiện đặt cược ngay sau khi sự kiện đặt cược đó kết thúc và công bố này là cơ sở để trả thưởng cho người chơi. Việc công bố kết quả của sự kiện đặt cược được căn cứ trên các cơ sở sau:

a) Đối với đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó: Căn cứ vào kết quả cuộc đua ngựa, đua chó do Trọng tài xác định và được Hội đồng giám sát cuộc đua xác nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị định này và công bố thông tin chính thức lần đầu tiên;

b) Đối với đặt cược bóng đá quốc tế: Căn cứ vào kết luận của Trọng tài chính điều khiển trận đấu đối với sản phẩm đặt cược dựa trên sự kiện, kết quả trận đấu bóng đá quốc tế hoặc căn cứ công bố thông tin chính thức lần đầu tiên từ Ban tổ chức sự kiện đối với sản phẩm đặt cược dựa vào sự kiện, kết quả liên quan đến giải thi đấu bóng đá quốc tế.

2. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về thông tin công bố kết quả của các sự kiện đặt cược.

Điều 20. Quy định về trả thưởng

1. Thời hạn lĩnh thưởng của vé đặt cược trúng thưởng là 30 ngày, kể từ ngày công bố kết quả sự kiện đặt cược hoặc kể từ ngày hết hạn lưu hành của vé đặt cược (nếu có). Quá thời hạn quy định, các vé đặt cược trúng thưởng không còn giá trị lĩnh thưởng.

2. Việc trả thưởng cho người chơi trúng thưởng được thực hiện tại trụ sở chính, chi nhánh của doanh nghiệp kinh doanh đặt cược, nơi tổ chức đặt cược và các đại lý bán vé đặt cược được ủy quyền hoặc thông qua tài khoản của người chơi mở tại các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Thời gian thanh toán giải thưởng của doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đối với người chơi trúng thưởng chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị lĩnh thưởng của người chơi.

4. Đối với các trường hợp có phát sinh tranh chấp, khiếu nại, thời gian thanh toán giải thưởng được kéo dài cho đến khi có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Hoàn trả tiền mua vé đặt cược

1. Doanh nghiệp phải hoàn trả tiền mua vé đặt cược cho tất cả người chơi trong các trường hợp sau:

a) Địa điểm tổ chức sự kiện đặt cược bị thay đổi;

b) Sự kiện đặt cược được thông báo là bị huỷ bỏ nhưng chưa có lịch tổ chức lại sự kiện đặt cược, hoặc có lịch tổ chức lại sự kiện đặt cược nhưng địa điểm thay đổi hoặc thời gian tổ chức chậm hơn 36 giờ so với lịch ban đầu;

c) Hội đồng giám sát cuộc đua từ chối xác nhận kết quả của cuộc đua ngựa, đua chó;

d) Doanh nghiệp vi phạm quy định về Điều lệ đua;

đ) Các trường hợp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp phải hoàn trả tiền mua vé đặt cược cho người chơi đã đặt cược vào các con ngựa đua, chó đua nhưng bị loại ra trước khi diễn ra cuộc đua theo quyết định của Trọng tài, Hội đồng giám sát cuộc đua.

3. Vé đặt cược được đề nghị hoàn trả tiền đặt cược phải đáp ứng đủ điều kiện như vé đặt cược lĩnh thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn.

2. Doanh nghiệp phải kịp thời sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền phù hợp với sự thay đổi của pháp luật, thay đổi về cơ cấu tổ chức, quy mô và mức độ rủi ro rửa tiền. Doanh nghiệp phải phổ biến quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cho các bộ phận, cán bộ, nhân viên có trách nhiệm thực hiện quy định về phòng, chống rửa tiền.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh đặt cược

1. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược có các quyền sau:

a) Được phép tổ chức các hoạt động kinh doanh đặt cược theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược được cấp;

b) Được phép từ chối nhận đặt cược của các đối tượng không được phép tham gia đặt cược theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

2. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các quy định về hoạt động kinh doanh đặt cược tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan;

b) Tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược theo đúng Thể lệ đặt cược được công bố;

c) Áp dụng các giải pháp để đảm bảo chỉ những người đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này mới được phép tham gia đặt cược;

d) Thanh toán đầy đủ, kịp thời các giải thưởng cho người chơi khi trúng thưởng. Thực hiện xác nhận tiền trúng thưởng đúng số thực tế nếu người chơi yêu cầu;

đ) Cung cấp các chứng từ liên quan về số tiền trúng thưởng của người chơi là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài để làm cơ sở cho ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối thực hiện việc bán ngoại tệ, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài hoặc cấp giấy xác nhận mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các đối tượng nêu trên;

e) Giữ bí mật về thông tin trúng thưởng theo yêu cầu của người chơi, ngoại trừ việc cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

g) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại của người chơi theo đúng Thể lệ đặt cược được công bố và quy định của pháp luật;

h) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh;

i) Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật;

k) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

l) Tuyên truyền, cảnh báo và tư vấn cho người chơi kiểm soát mức độ tham gia đặt cược phù hợp với khả năng thu nhập;

m) Chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật Việt Nam về mọi hoạt động kinh doanh đặt cược của doanh nghiệp.

Chương III
TỔ CHỨC ĐUA NGỰA, ĐUA CHÓ SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐẶT CƯỢC ĐUA NGỰA, ĐẶT CƯỢC ĐUA CHÓ

Điều 24. Điều kiện tổ chức đua ngựa, đua chó

1. Chỉ có doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó theo quy định tại Nghị định này và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định này mới được tổ chức các cuộc đua ngựa, đua chó và kết quả được sử dụng để kinh doanh đặt cược.

2. Doanh nghiệp chỉ được tổ chức các cuộc đua ngựa, đua chó tại trường đua đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

3. Các cuộc đua ngựa, đua chó chỉ được phép tiến hành sau khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có Điều lệ đua do doanh nghiệp xây dựng và ban hành;

b) Có danh sách ngựa đua, chó đua, nài ngựa và các thông tin có liên quan đến ngựa đua, chó đua, nài ngựa đăng ký tham dự cuộc đua được công bố công khai tối thiểu 24 giờ trước khi diễn ra cuộc đua đầu tiên trong ngày;

c) Ngựa đua, chó đua, nài ngựa tham gia cuộc đua phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ đua;

d) Có Trọng tài, Hội đồng giám sát cuộc đua theo quy định tại Nghị định này;

đ) Các thiết bị xuất phát và camera xác định ngựa đua, chó đua về đích phải đầy đủ và đang hoạt động tốt đảm bảo tính chính xác, trung thực trong việc tổ chức cuộc đua và xác định kết quả cuộc đua.

4. Các cuộc đua phải được tổ chức đúng quy trình theo Điều lệ đua của doanh nghiệp được công bố.

Điều 25. Điều lệ đua

1. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó phải xây dựng Điều lệ đua và phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt trước khi ban hành. Điều lệ đua phải tuân thủ quy định của pháp luật và bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn ngựa đua, chó đua;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn nài ngựa;

c) Quy trình đăng ký ngựa đua, chó đua, nài ngựa;

d) Quy trình xếp hạng, xếp lịch đua cho ngựa đua, chó đua;

đ) Quy trình kiểm tra ngựa đua, chó đua, nài ngựa trước, sau cuộc đua và cách xác định ngựa đua, chó đua, nài ngựa không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự cuộc đua;

e) Trách nhiệm, quyền hạn của chủ ngựa, chủ chó, nài ngựa, trọng tài;

g) Quy trình tổ chức cuộc đua và phương thức xác định ngựa đua, chó đua về đích;

h) Người có thẩm quyền quyết định cuối cùng về kết quả cuộc đua;

i) Tiền thưởng và cách thức phân chia tiền thưởng giữa doanh nghiệp kinh doanh đặt cược và chủ ngựa, chủ chó;

k) Các hành vi vi phạm và phương thức xử lý vi phạm;

l) Phương thức xử lý các vấn đề tranh chấp;

m) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trước khi đưa vào kinh doanh tối thiểu 05 ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó có trách nhiệm:

a) Gửi Điều lệ đua cho Hội đồng giám sát cuộc đua quy định tại Điều 29 của Nghị định này để theo dõi, quản lý;

b) Công bố công khai Điều lệ đua tại trường đua, trụ sở chính của doanh nghiệp, điểm bán vé đặt cược cố định và trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (nếu có).

3. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ đua phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó phải gửi bản cập nhật Điều lệ đua sửa đổi, bổ sung tối thiểu 24 giờ trước thời điểm cuộc đua diễn ra cho Hội đồng giám sát cuộc đua để theo dõi, quản lý. Đồng thời doanh nghiệp phải công bố công khai Điều lệ đua đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 26. Ngựa đua, chó đua

1. Doanh nghiệp quy định cụ thể tiêu chuẩn ngựa đua, chó đua tham gia các cuộc đua để sử dụng cho việc tổ chức kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn sau:

a) Ngựa đua tham gia các cuộc đua phải là con ngựa đã được thuần dưỡng, huấn luyện để chạy đua;

b) Chó đua tham gia các cuộc đua phải là loại chó thuộc chủng loại Greyhound được thuần dưỡng, huấn luyện để chạy đua.

2. Ngựa đua, chó đua tham gia từng cuộc đua phải được đăng ký trước với doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó theo quy định tại Điều lệ đua và có tên, mã số riêng để nhận dạng, xác định khi về đích.

3. Trọng tài, Hội đồng giám sát cuộc đua có quyền yêu cầu, chỉ định kiểm tra đối với bất kỳ con ngựa đua, chó đua tham gia cuộc đua nếu thấy cần thiết hoặc phát hiện có dấu hiệu gian lận. Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều lệ đua và các quy định của pháp luật.

Điều 27. Nài ngựa

1. Doanh nghiệp phải xây dựng các điều kiện, tiêu chuẩn nài ngựa điều khiển ngựa trong các cuộc đua để sử dụng cho việc tổ chức kinh doanh đặt cược đua ngựa và phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt trước khi ban hành. Nài ngựa phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Là người lao động theo quy định tại Bộ luật lao động;

b) Có chứng chỉ nài ngựa được cấp bởi doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa hoặc cơ sở đào tạo có chức năng đào tạo nài ngựa;

c) Không có quan hệ gia đình với bất kỳ chủ ngựa đua khác có ngựa đua tham gia trong cuộc đua, bao gồm: Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột.

2. Trong quá trình điều khiển ngựa đua, nài ngựa phải tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều lệ đua. Trong trường hợp nài ngựa vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều lệ đua và các quy định của pháp luật.

3. Trước khi tổ chức các cuộc đua ngựa, tối thiểu 05 ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa phải gửi danh sách nài ngựa cho Hội đồng giám sát cuộc đua để theo dõi, quản lý.

Điều 28. Trọng tài

1. Trọng tài là người do doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó lựa chọn đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn Trọng tài do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

2. Doanh nghiệp phải bố trí đủ số lượng Trọng tài cần thiết để đảm bảo việc giám sát toàn bộ từ khâu kiểm tra tiêu chuẩn ngựa đua, chó đua, đưa ngựa đua, chó đua vào điểm xuất phát, quá trình diễn ra trong cuộc đua và xác định ngựa đua, chó đua khi về đích. Các Trọng tài được tổ chức thành Ban Trọng tài, trong Ban Trọng tài có một Trọng tài chính để ra các quyết định cuối cùng của Ban Trọng tài và chịu trách nhiệm toàn bộ về các quyết định của Ban Trọng tài.

3. Trước khi tổ chức các cuộc đua ngựa, đua chó tối thiểu 05 ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó phải gửi danh sách Trọng tài cho Hội đồng giám sát cuộc đua để theo dõi, quản lý.

Điều 29. Hội đồng giám sát cuộc đua

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi có trường đua ngựa, đua chó có trách nhiệm thành lập Hội đồng giám sát cuộc đua trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính để thực hiện việc giám sát hoạt động đua ngựa, đua chó.

2. Thành phần của Hội đồng giám sát cuộc đua bao gồm đại diện của các Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, cơ quan Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đại diện của doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó. Tùy vào quy mô hoạt động kinh doanh đặt cược và điều kiện thực tế tại từng tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành phần Hội đồng giám sát cuộc đua trên tinh thần tinh gọn bộ máy và hiệu quả công việc.

3. Hội đồng giám sát cuộc đua có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Kiểm tra các điều kiện tổ chức đua ngựa, đua chó theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này. Trong trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện tổ chức đua ngựa, đua chó, Hội đồng giám sát cuộc đua phải lập biên bản và yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng hoạt động tổ chức cuộc đua của doanh nghiệp để báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Trực tiếp giám sát quá trình tổ chức cuộc đua ngựa, đua chó theo Điều lệ đua được công bố;

c) Ký biên bản xác nhận kết quả cuộc đua;

d) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ chế hoạt động của Hội đồng giám sát cuộc đua

a) Hội đồng giám sát cuộc đua thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Việc giám sát, kiểm tra của Hội đồng giám sát cuộc đua được căn cứ vào các quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược, Quy chế hoạt động của Hội đồng giám sát cuộc đua do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính và Điều lệ đua được công bố.

c) Hội đồng giám sát cuộc đua phải có đủ thành phần khi làm nhiệm vụ. Trường hợp vì nguyên nhân khách quan, các thành viên không thể tham gia đầy đủ thì ngoài đại diện của doanh nghiệp kinh doanh đặt cược, tối thiểu phải có 02 thành viên khác trong Hội đồng giám sát cuộc đua.

d) Hội đồng giám sát cuộc đua hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Trường hợp có các ý kiến khác nhau về cùng một vấn đề thì xử lý như sau:

- Quyết định được thông qua khi có trên 50% số thành viên có mặt của Hội đồng giám sát cuộc đua nhất trí thông qua;

- Trường hợp số thành viên ủng hộ và không ủng hộ ngang nhau, quyết định được thực hiện theo phương án có sự nhất trí của Chủ tịch Hội đồng giám sát cuộc đua.

đ) Hội đồng giám sát cuộc đua hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm, trừ đại diện của doanh nghiệp kinh doanh đặt cược.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về quy chế làm việc, chế độ thù lao tham gia Hội đồng giám sát cuộc đua và các nội dung khác liên quan đến tổ chức hoạt động của Hội đồng giám sát cuộc đua.

Chương IV
ĐIỀU KIỆN, QUY TRÌNH THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐẶT CƯỢC

Mục 1
ĐỐI VỚI ĐẶT CƯỢC ĐUA NGỰA, ĐUA CHÓ

Điều 30. Điều kiện, hồ sơ và quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

1. Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Địa điểm đầu tư xây dựng trường đua ngựa, đua chó phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi xây dựng trường đua ngựa, đua chó;

b) Vốn đầu tư tối thiểu là 1.000 tỷ đồng (một nghìn tỷ đồng) đối với hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa và tối thiểu là 300 tỷ đồng (ba trăm tỷ đồng) đối với hoạt động kinh doanh đặt cược đua chó;

c) Phương án tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó phù hợp quy định của pháp luật;

d) Phương án đầu tư hệ thống công nghệ, thiết bị kỹ thuật, phần mềm kinh doanh bảo đảm hiện đại, đồng bộ, có thể dễ dàng nâng cấp, vận hành chính xác, an toàn, ổn định;

đ) Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế;

e) Cam kết về việc đảm bảo an ninh, trật tự xã hội và hỗ trợ cộng đồng.

2. Hồ sơ, quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có hai nhà đầu tư trở lên quan tâm thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó phải được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

Điều 31. Điều kiện, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

1. Doanh nghiệp sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 30 của Nghị định này trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó phải xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó bao gồm:

a) Đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng trường đua ngựa, đua chó theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư;

b) Đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ, thiết bị kỹ thuật, phần mềm kinh doanh để tổ chức hoạt động đua ngựa, đua chó và kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó theo quy định tại Nghị định này;

c) Có phương án kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó khả thi, phương thức phân phối vé đặt cược, địa bàn phát hành vé đặt cược phù hợp quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó gồm các tài liệu sau:

a) Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Phiếu lý lịch tư pháp đối với người quản lý, điều hành doanh nghiệp;

d) Tài liệu, hồ sơ chứng minh doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

đ) Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng đối với công trình xây dựng trường đua ngựa, đua chó do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

e) Phương án kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Mục tiêu, loại hình sản phẩm, phương thức phân phối vé đặt cược, địa bàn phát hành vé đặt cược, tần suất tổ chức đặt cược, đánh giá hiệu quả kinh doanh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách nhà nước), đánh giá tác động môi trường, giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, kế hoạch triển khai thực hiện và thời hạn kinh doanh;

g) Dự thảo Thể lệ đặt cược, Điều lệ đua và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

Điều 32. Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

1. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi 05 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

3. Trình tự thủ tục thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư xây dựng trường đua;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan nêu trên, Bộ Tài chính thành lập đoàn công tác liên ngành gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư xây dựng trường đua kiểm tra thực địa tại trường đua, địa bàn kinh doanh đặt cược và trụ sở chính của doanh nghiệp xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực địa, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về những nội dung được lấy ý kiến;

d) Sau khi nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan nêu trên, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến và xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó.

4. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư xây dựng trường đua thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 31 của Nghị định này.

Điều 33. Nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó phải có các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp;

b) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Đại diện pháp luật của doanh nghiệp;

d) Loại hình đặt cược;

đ) Địa chỉ nơi đặt trường đua;

e) Phương thức phân phối vé đặt cược;

g) Địa bàn kinh doanh đặt cược;

h) Thời hạn hiệu lực;

i) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

2. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn hoạt động của dự án quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư và tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp quy định tại Điều 79 của Nghị định này.

Điều 34. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó của doanh nghiệp bị mất, thất lạc, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó bao gồm:

a) Đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó của doanh nghiệp đã bị mất, thất lạc, hư hỏng (nếu có).

3. Quy trình, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ lần cấp lại. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó cấp lại là số đã được cấp trước đây.

4. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó được cấp lại là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất.

Điều 35. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

1. Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh bất kỳ nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó đã được quy định tại khoản 1 Điều 33 của Nghị định này, doanh nghiệp phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó bao gồm:

a) Đơn xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Các tài liệu chứng minh nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược phù hợp với quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quy trình, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư xây dựng trường đua xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ lần điều chỉnh.

4. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó điều chỉnh là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất.

Điều 36. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

1. Các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó hết thời hạn hiệu lực theo quy định tại Nghị định này, nếu có nhu cầu tiếp tục kinh doanh đặt cược thì tối thiểu 06 tháng trước khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược hết thời hạn hiệu lực phải tiến hành xin gia hạn.

2. Điều kiện được gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược còn hiệu lực tối thiểu là 06 tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

b) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Nghị định này;

c) Đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo kết luận của cơ quan kiểm tra đối với các đợt kiểm tra định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 78 của Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó bao gồm:

a) Đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược còn hiệu lực tối thiểu là 06 tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

c) Các hồ sơ quy định tại điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 31 của Nghị định này;

d) Bản sao có chứng thực biên bản kết luận đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh của cơ quan kiểm tra đối với các đợt kiểm tra định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 78 của Nghị định này.

4. Quy trình, thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 32 của Nghị định này.

5. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư xây dựng trường đua thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Thời gian gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn hoạt động của dự án quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư và tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó được gia hạn có hiệu lực thi hành.

Điều 37. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược mà không triển khai hoạt động kinh doanh;

b) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Không đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 78 của Nghị định này;

đ) Vi phạm tất cả các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 78 của Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó tự động bị hết hiệu lực và bị thu hồi đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư xây dựng trường đua xem xét ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đối với các trường hợp quy định tại điểm a, d và đ khoản 1 Điều này. Quyết định này sẽ được thông báo cho doanh nghiệp trước 10 ngày kể từ ngày thực hiện thu hồi.

4. Doanh nghiệp phải chấm dứt ngay các hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

5. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược của doanh nghiệp được Bộ Tài chính công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Mục 2
ĐỐI VỚI ĐẶT CƯỢC BÓNG ĐÁ QUỐC TẾ

Điều 38. Tổ chức thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế

1. Chính phủ cho phép 01 doanh nghiệp được phép tổ chức thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế. Thời gian thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế là 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế. Sau thời gian thí điểm, Chính phủ sẽ tổng kết, đánh giá để quyết định việc tiếp tục cho phép thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế hoặc có thể chấm dứt không cho phép thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế.

2. Doanh nghiệp tổ chức thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế phải đáp ứng các điều kiện:

a) Vốn điều lệ tối thiểu 1.000 tỷ đồng (một nghìn tỷ đồng) hoặc tương đương;

b) Phương án đầu tư hệ thống công nghệ, thiết bị kỹ thuật, phần mềm kinh doanh bảo đảm hiện đại, đồng bộ, có thể dễ dàng nâng cấp, vận hành chính xác, an toàn, ổn định;

c) Phương án kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế khả thi, phương thức phân phối vé đặt cược, địa bàn phát hành vé đặt cược phù hợp quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật;

d) Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế;

đ) Cam kết về việc đảm bảo an ninh, trật tự xã hội và hỗ trợ cộng đồng.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp tổ chức thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế áp dụng quy định của Luật đấu thầu.

4. Doanh nghiệp được lựa chọn tổ chức thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế theo quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 39. Điều kiện, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế

1. Doanh nghiệp được lựa chọn thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế theo quy định tại Điều 38 của Nghị định này trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế phải xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế.

2. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế là doanh nghiệp phải chuẩn bị sẵn sàng về cơ sở vật chất và kỹ thuật phục vụ cho quá trình kinh doanh, trong đó hệ thống công nghệ, thiết bị kỹ thuật, phần mềm kinh doanh bảo đảm hiện đại, đồng bộ, có thể dễ dàng nâng cấp, vận hành chính xác, an toàn, ổn định.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế gồm các tài liệu sau:

a) Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

d) Phiếu lý lịch tư pháp đối với người quản lý, điều hành doanh nghiệp;

đ) Tài liệu, hồ sơ chứng minh doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

e) Dự thảo Thể lệ đặt cược và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

Điều 40. Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế

1. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi 05 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

3. Trình tự thủ tục thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan nêu trên, Bộ Tài chính thành lập đoàn công tác liên ngành gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư kiểm tra thực địa tại địa bàn kinh doanh đặt cược và trụ sở chính của doanh nghiệp xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực địa, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về những nội dung được lấy ý kiến;

d) Sau khi nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan nêu trên, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến và xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

4. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký đầu tư thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 39 của Nghị định này.

Điều 41. Nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế phải có các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, e, g, h và i khoản 1 Điều 33 Nghị định này.

2. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế là 05 năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế có hiệu lực thi hành.

Điều 42. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế

Trong quá trình thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế, trường hợp doanh nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư hoặc vi phạm tất cả các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 78 của Nghị định này thì Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp các bộ, ngành thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế của doanh nghiệp.

Chương V
THÔNG TIN, QUẢNG CÁO VÀ KHUYẾN MẠI

Điều 43. Cung cấp thông tin

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm công bố công khai Điều lệ đua, Thể lệ đặt cược, các thông tin có liên quan đến sự kiện đặt cược để người chơi biết khi tham gia đặt cược và kết quả sự kiện đặt cược để xác định người chơi trúng thưởng.

2. Doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh đặt cược theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố và cung cấp. Các thông tin liên quan đến sự kiện đặt cược phải đảm bảo tính trung thực, có nguồn trích dẫn rõ ràng.

Điều 44. Quảng cáo

1. Chỉ những doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược theo quy định tại Nghị định này và doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định này mới được phép quảng cáo các hoạt động liên quan đến kinh doanh đặt cược.

2. Quảng cáo các hoạt động liên quan đến kinh doanh đặt cược phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo. Nội dung quảng cáo bao gồm:

a) Tên, địa chỉ doanh nghiệp kinh doanh đặt cược;

b) Tên sản phẩm đặt cược, sự kiện đặt cược;

c) Đối tượng được phép chơi theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược chỉ được phép quảng cáo bằng bảng, biển hiệu trong phạm vi trụ sở chính của doanh nghiệp, trường đua, điểm bán vé đặt cược cố định nhưng phải đảm bảo người bên ngoài không nghe được, không nhìn thấy được nội dung quảng cáo. Ngoài những hình thức được phép quảng cáo quy định tại Điều này, doanh nghiệp không được quảng cáo các hoạt động liên quan đến kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế dưới mọi hình thức và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về quảng cáo.

Điều 45. Khuyến mại

Doanh nghiệp không được phép thực hiện chính sách khuyến mại cho người chơi dưới bất kỳ hình thức nào trong quá trình kinh doanh đặt cược.

Chương VI
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 46. Chế độ tài chính

1. Năm tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản đóng góp đối với nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh đặt cược.

Điều 47. Chế độ kế toán và báo cáo

1. Chế độ kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh đặt cược đã được cấp phép. Trường hợp các khoản doanh thu, chi phí gắn với các hoạt động kinh doanh khác, doanh nghiệp thực hiện việc phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Chế độ báo cáo nghiệp vụ của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 48. Kiểm toán, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải được kiểm toán hàng năm.

2. Sau khi kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương VII
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 49. Quy định chung về xử phạt vi phạm hành chính

1. Chương VII của Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh đặt cược có các hành vi vi phạm hành chính trong những lĩnh vực khác theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 50. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược bao gồm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược tối đa là 100.000.000 đồng, đối với tổ chức tối đa là 200.000.000 đồng.

Mức xử phạt bằng tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức xử phạt đối với tổ chức trừ trường hợp quy định tại Điều 55 của Nghị định này chỉ áp dụng riêng đối với cá nhân.

Mức xử phạt đối với cá nhân bằng 1/2 lần mức phạt tiền tổ chức đối với cùng hành vi vi phạm.

2. Hình thức xử phạt bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược có thời hạn.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc đính chính thông tin đã cung cấp, công bố không đầy đủ, không chính xác;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

Điều 51. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó và đặt cược bóng đá quốc tế

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xoá Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

2. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.0000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh đặt cược khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, trừ các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 52. Hành vi vi phạm quy định về phạm vi kinh doanh

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.0000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Liên kết với các đối tượng cá cược bất hợp pháp để san sẻ rủi ro;

b) Cung cấp thông tin tỷ lệ cược mà không được doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đồng ý hoặc ủy quyền.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh đặt cược vượt quá phạm vi được phép kinh doanh đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật;

b) Lợi dụng kết quả sự kiện đặt cược để tham gia đặt cược hoặc tổ chức kinh doanh đặt cược trái phép.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 53. Hành vi vi phạm quy định về loại hình đặt cược và sản phẩm đặt cược

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh sản phẩm đặt cược trái với quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 12 tháng đến 18 tháng đối với trường hợp tái phạm hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 54. Hành vi vi phạm quy định về quản lý người chơi

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi bán vé đặt cược cho các đối tượng không được phép tham gia đặt cược quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cho người chơi vay tiền để tham gia đặt cược.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 55. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi cố tình mua vé đặt cược để tham gia đặt cược khi thuộc đối tượng không được phép tham gia đặt cược quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xoá vé đặt cược để lĩnh thưởng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Giả mạo vé đặt cược để lĩnh thưởng;

b) Dàn xếp làm sai lệch kết quả sự kiện đặt cược;

c) Giả mạo kết quả trúng thưởng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 56. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng, ban hành và công bố Điều lệ đua và Thể lệ đặt cược

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi Thể lệ đặt cược tới các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Không gửi Điều lệ đua tới Hội đồng giám sát cuộc đua theo quy định tại Điều 25 của Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không công bố công khai Thể lệ đặt cược theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Không công bố công khai Điều lệ đua theo quy định tại Điều 25 của Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng và ban hành Thể lệ đặt cược theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Không xây dựng và ban hành Điều lệ đua theo quy định tại Điều 25 của Nghị định này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 57. Hành vi vi phạm quy định về điểm bán vé đặt cược cố định

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập các điểm bán vé đặt cược cố định trái với quy định tại Điều 14 của Nghị định này.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 58. Hành vi vi phạm quy định về phương thức phân phối vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các phương thức phân phối vé đặt cược không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 12 tháng đến 18 tháng đối với trường hợp tái phạm hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 59. Hành vi vi phạm quy định về tần suất tổ chức đặt cược và thời điểm nhận đặt cược

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về thời điểm nhận đặt cược.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tần suất tổ chức đặt cược.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 60. Hành vi vi phạm quy định về vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp vé đặt cược không đảm bảo đầy đủ nội dung, thông tin theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp vé đặt cược có mệnh giá thấp hơn mức tối thiểu hoặc vượt quá mức đặt cược tối đa theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 61. Hành vi vi phạm quy định về đại lý bán vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng các quy định về đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý bán vé đặt cược theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng làm đại lý với các cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện làm đại lý theo quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

Điều 62. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng, tỷ lệ trả thưởng và phương thức trả thưởng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về thời gian trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cố ý thông tin kết quả trúng thưởng sai lệch, không đúng so với biên bản xác nhận của Hội đồng giám sát cuộc đua hoặc kết luận của Trọng tài chính điều khiển trận đấu bóng đá quốc tế hoặc kết quả đã được Ban tổ chức sự kiện công bố chính thức lần đầu;

b) Thực hiện phương thức trả thưởng trái với quy định tại Điều 10 của Nghị định này;

c) Xây dựng tỷ lệ trả thưởng thấp hơn mức tối thiểu theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này;

d) Xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 63. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức đua ngựa, đua chó

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về ngựa đua, chó đua, nài ngựa và Trọng tài theo quy định tại Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các điều kiện về tổ chức đua ngựa, đua chó theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 64. Hành vi vi phạm quy định về công bố, cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đối với hành vi công bố, cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đính chính thông tin đã công bố, cung cấp không đầy đủ, không chính xác đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 65. Hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không cập nhật thông tin nhận biết khách hàng;

b) Không ban hành quy trình quản lý rủi ro các giao dịch liên quan tới công nghệ mới;

c) Không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền;

d) Không có hệ thống quản lý rủi ro để xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị;

đ) Không rà soát khách hàng theo các danh sách cảnh báo trước khi thiết lập giao dịch;

e) Không báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Không xây dựng và ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;

c) Tổ chức hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 66. Hành vi vi phạm quy định về khuyến mại

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đối với hành vi cố ý thực hiện chính sách khuyến mại cho người chơi.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 67. Hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi hoặc gửi không đủ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu không đầy đủ, không chính xác trong báo cáo gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đính chính thông tin đã cung cấp, công bố không đầy đủ, không chính xác đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 68. Thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Thanh tra viên Tài chính các cấp đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 50 của Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 50 của Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược có thời hạn theo quy định tại Nghị định này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 50 của Nghị định này.

5. Thẩm quyền đối với mức phạt tiền quy định tại Điều này áp dụng đối với tổ chức, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 lần tổ chức.

6. Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan Công an theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực này hoặc địa bàn quản lý của mình thì áp dụng quy định trong Nghị định này để xử phạt.

7. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính là những người có quyền xử phạt quy định tại Điều này, công chức, viên chức đang thực thi công vụ, nhiệm vụ.

Chương VIII
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, KIỂM TRA, THANH TRA

Điều 69. Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kinh doanh đặt cược.

2. Giao Bộ Tài chính nghiên cứu, báo cáo Chính phủ quyết định về việc ban hành chính sách quản lý hoạt động kinh doanh đặt cược theo thẩm quyền.

Điều 70. Thủ tướng Chính phủ

Quyết định lựa chọn một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Nghị định này.

Điều 71. Bộ Tài chính

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh đặt cược, bao gồm:

1. Nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách quản lý hoạt động kinh doanh đặt cược.

2. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh đặt cược theo thẩm quyền.

3. Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

4. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm pháp luật về kinh doanh đặt cược trong phạm vi quyền hạn quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao đối với hoạt động kinh doanh đặt cược theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật.

Điều 72. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động đầu tư của dự án có mục tiêu kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật đầu tư.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh đặt cược.

Điều 73. Bộ Công an

1. Ban hành hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong hoạt động kinh doanh đặt cược.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền trong hoạt động kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh đặt cược.

Điều 74. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

1. Công bố danh mục các trận đấu, giải thi đấu bóng đá quốc tế được lựa chọn làm căn cứ kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế theo quy định tại Nghị định này.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh đặt cược.

4. Phê duyệt Điều lệ đua ngựa, đua chó, phê duyệt điều kiện, tiêu chuẩn nài ngựa và ban hành các quy định chuyên môn về tiêu chuẩn Trọng tài, giám sát và điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động đua ngựa, đua chó theo quy định tại Nghị định này.

Điều 75. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc ngăn chặn việc cung cấp dịch vụ đặt cược trái phép qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet theo yêu cầu của Bộ Công an.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chỉ đạo các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông trong việc thông tin về công tác quản lý của nhà nước đối với hoạt động kinh doanh đặt cược; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân không tổ chức, tham gia đặt cược trái phép.

Điều 76. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh đặt cược.

Điều 77. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh đặt cược trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

3. Thành lập Hội đồng giám sát cuộc đua để quản lý, giám sát hoạt động tổ chức đua ngựa, đua chó của doanh nghiệp trên địa bàn.

4. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh đặt cược trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật.

Điều 78. Kiểm tra, thanh tra

1. Công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo phương thức định kỳ hoặc đột xuất. Việc kiểm tra, thanh tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kiểm tra định kỳ 02 năm một lần để xem xét khả năng tiếp tục duy trì hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược của doanh nghiệp hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược theo quy định tại Điều 31 và Điều 39 của Nghị định này.

Riêng đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Nghị định này, kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện kinh doanh đặt cược được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định về tổ chức kinh doanh đặt cược theo quy định tại Nghị định này, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Về sản phẩm đặt cược, giới hạn mức tham gia đặt cược, phương thức phân phối vé đặt cược, địa bàn phát hành vé đặt cược, tần suất tổ chức đặt cược và thời điểm nhận đặt cược;

- Về chấp hành Điều lệ đua, ngựa đua, chó đua, nài ngựa, Trọng tài (áp dụng đối với kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó);

- Về quản lý đối tượng người chơi, chấp hành Thể lệ đặt cược, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;

- Việc chấp hành quy định pháp luật về tài chính, kế toán, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan Công an quyết định kiểm tra đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm quy định về đối tượng người chơi, về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, khi có tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp.

4. Việc kiểm tra, thanh tra về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IX
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 79. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó hoặc có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và đã tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó (kể cả việc cho phép thí điểm) được tiếp tục hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép. Trường hợp có nhu cầu, doanh nghiệp làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó theo quy định sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bao gồm:

- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

- Các hồ sơ quy định tại điểm c, e và g khoản 2 Điều 31 của Nghị định này.

b) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính rà soát hồ sơ và quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược cho doanh nghiệp, trong đó:

- Loại hình đặt cược, phương thức phân phối vé đặt cược, địa bàn kinh doanh đặt cược xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể thì thực hiện theo các quy định tại Nghị định này.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược tối đa bằng thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép

của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể thời hạn kinh doanh thì thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này.

2. Đối với doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó hoặc có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược.

Trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó, doanh nghiệp phải làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược theo đúng quy định tại khoản này.

a) Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, bao gồm:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực, trong đó quy định được phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó;

- Đáp ứng đủ các điều kiện để được phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định điều kiện được phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó thì doanh nghiệp phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 của Nghị định này.

b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bao gồm:

- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực, trong đó quy định được phép kinh doanh đặt cược hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh đặt cược hoặc bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu;

- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện được phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó (nếu có). Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định điều kiện được phép kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó thì doanh nghiệp phải nộp hồ sơ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 của Nghị định này;

- Các hồ sơ quy định tại điểm c, đ, e và g khoản 2 Điều 31 của Nghị định này.

c) Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 32 của Nghị định này.

d) Nội dung thẩm định

Căn cứ quy định tại Nghị định này, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Nghị định này thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại điểm a khoản này, trong đó:

- Loại hình đặt cược, phương thức phân phối vé đặt cược, địa bàn kinh doanh đặt cược xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể thì thực hiện theo các quy định tại Nghị định này.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược tối đa bằng thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể thời hạn kinh doanh thì thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này.

Điều 80. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 3 năm 2017.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các nội dung được giao quy định chi tiết tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3). XH 205

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc